

TÔNG CẢNH LỤC

QUYỂN 47

Hỏi: Phàm, nói chánh nghĩa Duy thức, khoảng có mấy thứ thức?

Đáp: Kinh luận biện chung có tám thứ thức: Một là nhãn thức, hai là nhĩ thức, ba là tỷ thức, bốn là thiệt thức, năm là thân thức, sáu là ý thức, bảy là Mạt-na thức, tám là A-lại-da thức. Chánh văn nêu xuất luận Duy thức gồm mười quyển của Bồ-tát Hộ Pháp. Luận đó giải thích văn luận Tam Thập Tụng của Bồ-tát Thiên Thân. Đại sư Từ Ân (Khuy Cơ) chế tác sớ thích tụng văn luận đó. Mới đầu là cư sĩ chấp chưởng, về sau có người vui thích xem, nộp một lượng vàng, trong Thành Duy Thức Luận Chương Trung Xu Yếu Đại Sư Từ Ân viết: “Bồ-tát Thế Thân (Thiên Thân) muốn thông rành gồm cả ba thừa mới rảo khắp ở các bộ, biết được Tiểu thừa chẳng phải cùng cực, bèn xoay lại hướng đến Đại thừa, nhân nghe tụng phẩm Thập Địa và phẩm A-tỳ-đạt-ma Nhiếp Đại Thừa trong kinh Hoa Nghiêm, bèn hối hận tạ lỗi quấy trước kia chấp kiến phỉ báng giáo pháp Đại thừa, dùng dao muốn cắt lưỡi để biểu thị nỗi đau xót sâu xa đó. Có người anh là Bồ-tát Vô Trước nói những điều lợi hại mà ngăn cản sự tự hại đó, bảo rằng: “Tuy ông dùng lưỡi phỉ báng chánh pháp, há cắt lưỡi mà tội trừ ư? Ông phải tán dương giải thích Đại thừa để hối cải sai phạm trước”. Bồ-tát Thế Thân kính vâng lời anh chỉ bảo, nhân đó quy hướng diệu lý, bèn soạn thuật luận Thập Địa, luận Nhiếp Đại Thừa. Nên hai bộ luận ấy là lúc Bồ-tát Thế Thân chế soạn lúc mới quy hướng Đại thừa, thế rồi, sau dần tích chứa Huyền tông, tâm tình muốn khôi phục áo chỉ, lại làm luận rộng để thỏa đáng sâu cực, tham tầm cơ sâu, dẫn khởi tinh sâu, soạn thuật luận Duy Thức Tam Thập Tụng để thỏa đáng với diệu thú của Đại thừa. Muôn tượng gồm ở một chữ, ngàn dạy răn đủ ở một lời, đạo vượt các kinh điển, vẻ vang sáng ngời các Thánh. Lược tụng đã hoàn tất, rộng giải thích mới trình bày, cơ cảm chưa phù hợp, vụt nhiên bèn thị tịch! Lại có Bồ-tát Hộ Pháp v.v... thường ngoạ văn tụng, mỗi mỗi làm Nghĩa thích, tuy phân như các loại ngọn núi, hang núi kính cột, cảnh quỳnh, mà riêng chiếm

sáng người nổi cao tỏa ngát chỉ có một người là Bồ-tát Hộ Pháp vậy. Bồ-tát quả đã thành từ kiếp trước, vị khác ở hiện nay, vũ vật ngâm giúp tùy cơ làm lợi ích, chỉ tròn hai mươi chín tuổi, biết tức hóa có kỳ hạng, nhằm chán vô thường, chuyên tinh thiền tập, thề chẳng lia khỏi gốc cây Bồ-đề đến trọn ba năm, những lúc rảnh rỗi thiền lễ, chú thích thích văn đó, ý chỉ sâu trí xa, đủ thắm danh cao, chấp phá rốt cuộc ở một lời, rồi mở tận cùng ở nửa bài tụng, văn khác nước lửa mà phù hợp keo sơn, nghĩa đồng sông hồ mới thông thành trong đục, đồng bằng biên cương phẳng lặng vút tầng núi mà tiếp Hà Hán, đôi gò với vợ rộng sâu tận mệnh mộng, cúi dùi sâu thẳm mà không đáy, giữa tâm cao với mà chẳng ngần, văn thông nghĩa cạn, phái diễn chẳng cùng, câu dài tông rộng đào luyện có cực. Công vượt ngàn Thánh, đạo hợp trăm vua. Bảy giờ có Cư sĩ Huyền Giám, biết tếm lông của phụng uyên, gá vết ngâm của long lân, thường dốc hết của cải luôn vì cúng dường, chí thành sâu chắc vật hết nhiều năm. Bồ-tát dẫn dụ tiếp bày lăm mối đáp lưu lại Nghĩa thích ấy và răn bảo rằng: “Sau khi ta qua đời, phàm có ai đến xem tức lấy một lượng vàng. Nếu gặp người tinh thần thông thái thì đáng có thể truyền thông”. Rốt cùng thời gian đã dần lắng tuyệt huyền tuân. Bồ-tát tiếng tăm chấn động ở châu này. Luận thích vang dội đến xứ kia, các loại có linh ai chẳng nghĩ mừng, sáng nghe tối chết, chẳng tiếc vàng ngọc, như chợ rảo đến hiền, tợ gò chất của cải. Hạc năm trời trông mà chưa liền lưu hành. Đại sư tuấn tài tỏa phát thiên tư thức gá theo báii yết, không thần tích nào mà chẳng chiêm lễ, không Thánh giáo nào mà chẳng mở đọc xem. Nghe diệu lý đó ân cần nương gần chắc cầu. Cư sĩ ghi lại di ngôn của Tiên thánh, hẳn là dặn bảo của hiền nay. Mới vâng phụng cỏ cây đây và ngữ uẩn luận Thích. Đại sư thường ngoạn như thấy Thánh dung, mỗi lúc đặt để trong tay, chẳng khác chân thuyết. Từ đây mưa ngọc điệp đông nổi tổ tượng, tuy là rộng diễn vi thuyên, thưởng thức đó lấy làm bí quyết. Mãi đến lúc thần gá quán riêng, cảnh ngăn lửa sáng, rửa sạch tai mắt để trưng tư duy, thư thả tâm linh mà mở diệu, mới nói “nay mới thanh thần tâm ta vậy”. Tuyên Ni nói: “Ta có ngọc đẹp, cất giấu trong hòm rương. Nếu ai khéo biết giá, nay ta sẽ bán cho”. Đại sư Khuy Cơ vận xưa trái ngang đơn lẻ, chín tuổi đã mất cả song thân. Từ đó, chí muốn gá ráng mây, thêm mỗi lần mong truy phục, nếm trần phù tục, từ bé đã tuyệt tình phần, đến năm mười bảy tuổi bèn dự phần xuất gia, riêng vâng phụng minh chiếu, được làm môn thị, từ khi dự tham trong dịch trước gồm ba ngàn vị, tức mừng vui khuôn khổ bảy mươi, hẳn hài hợp thiện nguyện, phước quả hàm trượng, chẳng vì chất của

mất tài năng, bèn được theo hàng bạn dịch, tức chuyên việc tháo gỡ, tưởng thưởng luận ấy, công việc ở khoảng đầu tiên là dịch riêng mười bản Nghĩa Thích, gồm có bốn vị... Phưởng... Thượng, ... Quang và Khuy Cơ, đồng nhận việc nhuận sức chấp bút kiểm văn toàn nghĩa. Thế rồi làm lệnh phạm mỗi tự hữu ty, sau vài lần châu, Đại sư Khuy Cơ xin lùi vết. Đại sư (Huyền Trang) cố hỏi, Đại sư Khuy Cơ mới ân cần thưa rằng: “Từ đêm mộng thấy kim dung sáng sớm đến Bạch Mã, giữa chặn mây phát ra Linh Trí mang vác theo, nghe năm phần vì tâm mong cầu, quấy tám tạng mà xa trông, tuy được cặn bả của pháp môn, nhưng mất thuần túy của nguồn huyền. Nay ở Đông độ tươi tốt được ban cho, đều nhắm vào huyền tông, may lại cất lên xinh đẹp cả muôn phương, nổi trội vượt ngàn xưa, chẳng lập công ở lẫn lộn, nhưng có thể gọi là mất thời vậy, huống gì các Thánh chế tác, mỗi vị đều vang vọng ở năm xứ Ấn Độ, tuy văn đầy đủ truyền ở lá Bối, mà nghĩa chẳng hoàn bị ở một bản, tình kiến mỗi riêng khác, người bầm thọ không đâu tựa nương, huống gì thời vận dần người mạng bạc thúc dục lẫn lộn, xét chi li mà rất cung cực, quấy khác ngón mà khó ngộ. Xin xét gồm các lời để làm thành một bản, ấn định chân thật lầm sai quyền hành lớn mạnh, thì lâu mà bền hứa. Nên được luận này lưu hành vậy. Đại sư, lý bỏ ba Hiền, riêng trao tứ vựng, luận này! Vậy! Gồm bí mật của các kinh, bao quát yếu chỉ của các Thánh, không trệ nào chẳng dung, không sâu thẳm nào chẳng rọi, giữa trông đó chẳng cùng, cúi nhìn đó chẳng lường, xa đó không trí, gần đó có thức. Đó có ẩn gồm ngũ minh, tìm bày tám tạng, ải sâu tối thường bít, đường huyền chưa thông. Dặn bảo còn mảy may đôi thừa, dùng lửa đốt ném bỏ, sương băng chứa đầy khe, dùng sợ cảnh rớt đó, tin bạc sáng trong đêm dài, gương vàng của tối sáng vậy. Tuy là bản lưu xuất từ năm xứ Thiên Trúc, nhưng ở đó không thích nghĩa lộn xộn này, ngay như chế tác riêng biệt của mười Đại luận sư, nhóm tập còn khó, huống gì lại nhật lấy văn sâu mầu đây, thật là chưa có. Đó là nhân khởi của luận ấy vậy.

Hỏi: Tám thứ thức ấy, hành tướng thế nào?

Đáp: Trong kinh luận thành lập tự có văn bản rõ ràng. Tám thứ thức đó đầy đủ ba năng biến: Một là, dị thực năng biến, tức là thức thứ tám. Hai là, tư lương năng biến tức là thức thứ bảy. Ba là, liễu biệt năng biến tức là sáu thức trước. Trong luận Duy Thức nói: “Tướng do thức biến, tuy có vô lượng thức, mà thức năng biến loại biệt chỉ có ba, đó tức: Một là, dị thực tức thức thứ tám có nhiều tánh dị thực. Hai là, tư lương tức thức thứ bảy luôn thẩm xét nghĩ lường. Ba là, liễu cảnh, tức sáu thức

trước, rõ cảnh tướng thô. Trong luận tụng nói: “Một là, A-lại-da, dị thực tất cả chủng, chẳng thể biết chấp thọ, xứ liễu thường cùng xúc, tác ý thọ tướng tư, tương ưng chỉ xả thọ, ấy vô phú vô ký, xúc v.v... cũng vậy, luôn chuyển như dòng thác, A-la-hán vị xả”. Một là thức năng biến kinh giáo Đại Thừa gọi là A-lại-da. Thức này có nghĩa năng tàng sở tàng và chấp tàng, nghĩa là luôn cùng tạp nhiễm qua lại làm duyên, có tình chấp làm tự ngã bên trong. Xưa trước giải thích rằng: Một là năng tàng, tức nghĩa năng hàm tàng, giống như kho tàng năng cất giấu các thứ vật báu, nên được tên là tạng, ở đây lại năng hàm tàng các chủng tạp nhiễm, nên gọi là tàng, cũng tức nghĩa là trì (gìn giữ). Hai là sở tàng, tức là nghĩa sở y, giống như kho tàng là nơi gởi gắm của vật báu v.v... vậy. Thức này là nơi các pháp tạp nhiễm y tựa vậy. Ba là chấp tàng, nghĩa là bền giữ chẳng bỏ, giống như kho tàng vàng bạc, bị người giữ chặt chấp làm tự ngã bên trong, nên gọi là tàng. Thức này bị nhiễm mạn-na chấp chặt làm ngã nên gọi là tàng”. Trong Khởi Tín Sao giải thích rằng: “Thức thứ tám có nghĩa năng tàng sở tàng. Vả lại, nghĩa sở tàng tức nghĩa là thể thức ấy tàng vậy, là nơi sở tàng (chứa nhóm) các thứ căn thân chủng tử, khí thế gian. Vì căn thân v.v... là tướng phần của thức ấy, như các vật tượng trong kho, như thân ở trong phòng, muốn tìm thức Lại-da chỉ tại trong sắc tâm, muốn tìm châu ngọc ma-ni chỉ tại trong xanh vàng. Tiếp theo, nghĩa năng tàng tức nghĩa là các pháp căn thân v.v... đều tàng tại trong thức thân, như ảnh tượng tại trong châu ngọc. Muốn tìm tất cả pháp đều tại trong Lại-da, muốn tìm tất cả ảnh tượng đều tại trong ma-ni, so với nghĩa trước qua lại làm năng sở”. Trong luận Du-già nói: “Dùng tám thứ nghĩa chứng minh bản thức có: Một là, tướng nương tựa chấp thọ, hai là, tướng sinh khởi đầu tiên, ba là, tướng tánh có rõ ràng, bốn là, tướng tánh có chủng tử, năm là, tướng nghiệp dụng sai biệt, sáu là, tướng thân thọ sai biệt, bảy là, tướng xứ không tâm định, tám là, tướng phân lúc mạng chung”. Lại nữa, các bậc Cổ đức y cứ luận giải thích chứng minh có thức thứ tám là, trong luận nói: “Thức thứ tám đây chẳng phải là cảnh của thế gian hiện lượng trông thấy được, chỉ nhờ Thánh nói lường và dùng giáo lý chân chánh mà biết có đó”. Dẫn nêu bảy bản kinh để chứng minh đó. Trong kinh A-tỳ-đạt-ma có hai bài kệ tụng. Bài tụng một nói: “Vô thủy thời lai giới, tất cả pháp đều nương, do đây có các thú, và Niết-bàn chứng đắc”. Vô thủy thời lai giới, nói giới nghĩa là nhân, vì thức thứ tám từ vô thủy đến nay, năng gìn giữ tất cả các pháp chủng tử của hữu lậu vô lậu sắc tâm v.v... lại năng cùng sức của chủng tử hữu lậu vô lậu khiến sinh hiện hành, tức thức thứ tám cùng

tất cả chủng tử làm hai nhân y trì và sinh khởi. Tất cả pháp đều nương, nghĩa là nương tựa duyên đó, vì thức thứ tám năng biến làm thân khí, làm hữu tình nương tựa, cùng tất cả pháp hữu lậu vô lậu hiện hành mà làm sở y (nơi nương tựa), vì năng chấp thọ năm sắc căn thân cùng bảy thức trước hiện làm đều có nương tựa vậy, tức thức thứ tám năng cùng tất cả pháp hiện hành sắc tâm v.v... làm tăng thượng duyên nương tựa vậy. Do đây có các thú, và Niết-bàn chứng đắc là, thức thứ tám đây chẳng chỉ riêng cùng pháp hữu lậu lưu chuyển làm dụng y trì (nương tựa và gìn giữ), mà gồm năng cùng tất cả pháp vô lậu thuận hoàn diệt, làm dụng y trì. Bài tụng hai nói: “Do gồm chứa các pháp, tất cả chủng tử thức, nên gọi A-lại-da, thẳng giả ta mở nói”, tức tự chứng phần của thức thứ tám năng gìn giữ chủng, nên gọi là chủng tử thức. Trong kinh Giải Thâm Mật có kệ tụng nói: “Thức A-đà-na rất sâu nhiệm, tất cả chủng tử như thác đổ. Với phàm phu ta chẳng diễn bày, sợ kia phân biệt chấp làm ngã”. A-đà-na, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là chấp trì, vì thức ấy năng chấp trì chủng tử các pháp, và năng chấp thọ sắc căn và nơi căn nương tựa, cũng năng chấp thủ kết sinh tương tục nên nói thức đây gọi là A-đà-na. Tất cả chủng tử như thác đổ, nghĩa là tất cả chủng tử trong thức thứ tám nếu gặp duyên khởi động bèn sinh chuyển thức hiện hành, hoặc chủng tử có sinh trú diệt chẳng dừng tự như dòng thác đổ. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng nói: “Thí như sóng biển lớn, đó do gió mạnh khởi, sóng lớn vỗ hang hốc, không có lúc đoạn tuyệt, biển tạng thức thường trú, gió cảnh giới lay động, sóng của các thức thức, nhảy vọt mà chuyển sinh”. Lại trong kinh Tăng Nhất A-hàm của Tiểu thừa nói: “Có thức căn bản, là nơi nương tựa của các thức”. Thức căn bản đây tức là thức thứ tám, vì thức thứ tám năng phát khởi sáu chuyển thức trước. Thượng tọa bộ nói có thức Hữu phần, bèn là thức thứ tám. Thể của thức Hữu phần đây thường chẳng gián đoạn, khắp ba cõi đều có. Hữu nghĩa là Phần tam hữu là nghĩa của nhân, tức nhân của Tam hữu (ba cõi) đều do thức đây. Trong Hóa Địa Bộ nói có cùng sinh tử uẩn duyên với thức thứ tám đây biến khắp ba cõi chín địa luôn thường có vậy. Chỉ có nơi sinh tử tức thường khắp làm nương tựa, thẳng đến lúc tâm Kim cang của Đại thừa phiên não sau cùng hết sạch mới xả bỏ, nên gọi là cùng sinh tử uẩn. Nếu các chuyển thức tức không công năng này, vì thể của thức thứ sáu có nhiều gián đoạn, lúc vào năm vị không tâm, sáu thức đều gián đoạn chẳng hành, lúc ấy nên chẳng gọi là hữu tình. Vì không thức gìn giữ vậy, tức nên rã hoại. Thuyết Nhất thiết hữu bộ nói thức đây gọi là A-lại-da, có bốn thứ A-lại-da ái lạc hân hỷ. Ái là câu tổng, tổng

duyên ba đời làm cảnh, còn ba thứ kia là câu biệt, biệt duyên ba đời. Lại là hiện tại, hân là quá khứ, hỷ là tương lai, tức thức thứ tám đây là các hữu tình thường chấp làm tự ngã bên trong, là nơi sân ái đố trước nên gọi là A-lại-da. Với lý chân chánh là có mười: Một là, tâm trì chủng. Trong luận Duy Thức nói: “Trong Khế Kinh nói chỗ tập khởi của chủng tử các pháp nhiệm tạp thanh tịnh, nên gọi là tâm. Nếu không thức này thì tâm trì chủng kia chẳng nên có”, nghĩa là các chuyển thức tại diệt định đều có gián đoạn, nên căn cảnh tác ý thiện các loại khác biệt dễ khởi, như tiền sáng v.v... chẳng trú chắc, chẳng phải có thể huân đều chẳng thể trì chủng, chẳng phải chỗ tập khởi của chủng nhiệm tịnh; Hai là, tâm dị thực. Trong luận Duy Thức nói: “Như trong Khế Kinh nói có tâm dị thực thiện ác nghiệp cảm, nếu không thức này thì tâm dị thực kia chẳng nên có vậy”, tức thức thứ tám nghĩa là trong đời trước lấy các nghiệp thiện và bất thiện làm nhân, chiêu cảm được tâm dị thực thứ tám ở đời này làm quả. Trong luận nói: “Nhất định nên có thức dị thực thật đáp nghiệp dẫn dắt, khắp mà không đoạn biến làm thân khí, làm hữu tình nương tựa. Thân khí là tâm đúng lý chẳng phải có vậy; Ba là, thể của giới thú sinh. Trong luận Duy Thức nói: “Trong Khế Kinh nói hữu tình lưu chuyển năm thú bốn loài, nếu không có thức này thì thể thú sinh kia không nên có vậy”. Nên tin có thức thứ tám làm thể của ba cõi chín địa năm thú bốn loài. Nếu không có thức này tức tất cả hữu tình không nên được có; Bốn là, có chấp thọ. Trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói có sắc căn thân là có chấp thọ, nếu không thức này thì năng chấp thọ kia không nên có vậy”. Nó có trong sắc giới hữu tình có năm sắc căn và năm trần bên trong, là thức thứ tám thân gần tướng phần, chỉ thức thứ tám năng chấp thọ, còn các thức khác không có khả năng này; Năm là, thức thọ noãn, ba chúng có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói thức thọ noãn ba canh qua lại nương tựa giữ gìn được trú tương tục. Nếu không thức này thì thức năng trì thọ noãn khiến trú lâu chẳng nên có vậy.”; Sáu là, lúc sinh tử có tâm chứng có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói: “Các loại hữu tình thọ sinh mạng chung, tâm trú tán vị làm định không tâm, nếu không thức này thì lúc sinh tử tâm không nên có. Lại lúc sắp chết do nghiệp thiện ác, trên dưới thân phần lạnh chạm (xúc) dẫn khởi, nếu không thức này thì sự kia chẳng thành.”; Bảy là, dẫn nêu duyên khởi nương tựa chứng minh có thức thứ tám, trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói: “Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, hai pháp như vậy chuyển đổi nương tựa nhau, thí như bó lau đồng

thời mà chuyển, nếu không thức này thì tự thể thức kia chẳng nên có vậy”. Tiểu thừa nói: “Ta đem sáu thức làm danh sắc nương tựa, nào cần thức thứ tám?” Luận phá nói: “Nhãn v.v... chuyển thức gồm ở trong danh, thức này nếu không, gọi ai là thức?” Luận chủ nói: “Nhãn v.v... sáu thức đã gồm ở trong danh làm thức uẩn nên phải được thức thứ tám làm thức chi ngoài danh cùng danh sắc làm nương tựa. Lại như người côi này lúc sinh bên trong có tâm niệm mới đầu chấp thủ kết lúc sinh, do chưa có sáu thức trước làm thức uẩn trong danh. Danh sắc chỉ đủ ba uẩn, ba uẩn danh sắc nay ngay một niệm nương đâu mà trú? Nên biết tin có thức thứ tám là, thức chi ngoài danh cùng danh sắc làm nương tựa”; Tám là, dẫn nêu thức thực chứng minh có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói: “Tất cả hữu tình đều nương thực (ăn uống) mà trú (sống) nếu không thức này thì thể thức thực kia không nên có vậy. Do đó, Phật bảo ngoại đạo rằng: Điều gọi là tất cả hữu tình đều nương tựa ăn uống (thực) mà sống (trú). Đây là chánh thuyết của bậc Chánh giác, còn các hàng khác chẳng thể biết được, ngoại đạo các người tự đối khát thân mình rốt cùng chẳng ích lợi gì. Thực nghĩa là tư ích (giúp ích), nghĩa là giữ gìn.”; Chín là, dẫn nêu diệt định có tâm chứng minh có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói trú diệt định là thân miệng tâm hành không gì chẳng đều diệt, mà thọ chẳng diệt, cũng chẳng lìa noãn, căn không biến hoại, thức chẳng lìa thân. Nếu không thức này trú diệt định thì thức chẳng lìa thân không nên có vậy”. Luận chủ nói: “Thánh nhân vào diệt định, thân miệng tâm hành không gì chẳng đều diệt, tức hơi thở vào ra là thân gia hạnh, thọ tưởng là tâm gia hạnh, tầm tư là miệng gia hạnh. Ba gia hạnh đây tương ứng với thức thứ sáu tại trong diệt định thấy đều diệt vậy. Mà thọ chẳng diệt tức chủng của thức thứ tám trên có công năng gìn giữ liên tục một báo sắc tâm chẳng đoạn gọi là thọ, nói cũng chẳng lìa thức là noãn xúc là tướng phần thức thứ tám, tức hai pháp này chẳng lìa thức thứ tám, đã tại trong diệt định, sáu thức thân miệng tâm gia hạnh thấy đều chẳng hành mà có thọ noãn tồn tại. Rõ biết tức là thức thứ tám cùng thọ noãn làm nương tựa”; Mười là, dẫn nêu tâm nhiệm tịnh chứng minh có thức thứ tám. Trong luận Duy Thức nói: “Lại trong Khế Kinh nói tâm tạp nhiễm nên có tình tạp nhiễm, tâm thanh tịnh nên có tình thanh tịnh. Nếu không thức này thì tâm tịnh nhiễm kia chẳng nên có vậy”. Nghĩa là pháp nhiễm tịnh lấy tâm làm gốc, nhân tâm mà sinh, nương tâm mà trú, thọ nhận huân trì kia chủng tử kia vậy. Lấy tâm làm gốc tức tất cả pháp nhiễm tịnh hữu vi vô vi đều lấy thức

thứ tám làm căn bản. Nương tâm mà trú tức bảy thức trước hiện hành đều nương tựa thức thứ tám mà trú. Nói thọ nhận huân kia tức thức thứ tám thọ nhận bảy thức trước kia huân tập vậy, nói trì chủng tử kia, tức là thức thứ tám năng trì chủng tử tánh nhiễm tịnh của bảy thức trước. Do đó trong kinh Mật Nghiêm nói: “Thân ấy như thầy dạy, cũng như lửa lúc nóng, tùy hành nhân duyên chuyển, chẳng vọng cũng chẳng thật, là chỗ thọ dẫn kéo, tánh không không có ngã, ý các thức thuộc thức, cùng tâm mà cộng sinh, năm thức lại nương tựa, ý thức là nhân khởi, tất cả thời như vậy, đại địa thủy đều chuyển. Lại-da là ở ái, chỗ huân mà tăng trưởng, đã tự tăng trưởng rồi, lại tăng ở thức khác, chuyển đổi chẳng đoạn tuyệt, giống như xe quay giếng, vì có các thức vậy, các thú mà sinh khởi, ở trong các thú đó, thức lại được tăng trưởng. Thức và pháp thế gian, lại hỗ tương làm nhân, thí như nước sông chảy, trước sau mà chẳng dứt, cũng như mầm và hạt, tương tục mà chuyển sinh, mỗi mỗi tướng sai biệt, phân biệt mà hiển hiện. Thức hành cũng như vậy, đã ba hòa hợp rồi, mà lại thêm hòa hợp, sai biệt tướng mà sinh, như vậy mà lưu chuyển, thường không có đoạn tuyệt. Trong ngoài tất cả pháp, đều nhân đây mà khởi, ngu chẳng rõ duy tâm, các ông cần quán sát”. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này thiện nam! Các nghiệp hư vọng tích tập gọi là tâm, Mạt-na nghĩ lường, ý thức phân biệt, nhãn v.v... năm thức rõ cảnh chẳng đồng. Ngu si phàm phu chẳng thể hay biết, sợ già bệnh chết, cầu vào Niết-bàn. Sinh tử Niết-bàn cả hai đều chẳng biết, nơi tất cả cảnh vọng khởi phân biệt, lại do ở tương lai các căn năm trần cảnh giới đoạn diệt, người phàm ngu lấy làm Niết-bàn, chư Phật Bồ-tát lúc tự chứng ngộ, chuyển A-lại-da được trí bản giác. Này thiện nam! Tất cả phàm ngu mê lầm Phật dùng phương tiện, chấp có ba thừa, chẳng rõ ba cõi, do tâm khởi nên, chẳng biết ba đời tất cả Phật pháp tự tâm hiện lượng, thấy ngoài năm trần, chấp là thật có, giống như trâu dê chẳng thể hay biết trong vòng sinh tử không do đâu để ra khỏi. Này thiện nam! Phật nói các pháp không sinh không diệt cũng không ba đời. Tại sao? Như tự tâm hiện cảnh giới năm trần vốn không có vậy. Các pháp có không vốn chẳng sinh vậy. Thánh giả tự ngộ cảnh giới như vậy. Này thiện nam! Phàm phu ngu si tự vọng khởi phân biệt, trong không chấp có, trong có chấp không, thủ các hành tướng của A-lại-da, rơi đoạ trong hai thứ kiến sinh diệt, chẳng rõ tự tâm mà khởi phân biệt. Này thiện nam! Phải biết tự tâm tức là pháp của tất cả chư Phật Bồ-tát, do biết tự tâm tức là Phật pháp thì năng làm sạch tất cả cõi nước, vào tất cả kiếp. Ấy vì Tạng thức chóng biến căn thân khí thế gian nên làm nghĩa của

thậm thâm. Hiện lượng tỷ lượng đều chẳng thể lường”. Lại quá lượng không lường, như trong kinh có kệ tụng nói:

*“Pháp giới chẳng có lượng
Cũng lại chẳng không lượng
Mâu-ni đều siêu vượt
Có lượng và không lượng”.*

Nên biết thức tánh, trí cạm khá rõ, rớt ráo cùng thông chỉ Phật mới năng rõ. Vì vậy Tông Kính rộng nêu dẫn văn đây vì vi mật khó biết vậy.

Hỏi: Chánh nghĩa của Duy thức vì pháp hai chấp ngã pháp, hiển bày lý hai không, chứng tâm nhất chân. Cớ sao thế gian và Thánh giáo đều nói có ngã và pháp?

Đáp: Chỉ là giả nói, chỉ nương tựa thức biến. Như trong luận Duy Thức có kệ tụng nói:

*“Do giả nói ngã pháp
Có các thứ tướng chuyển
Kia nương thức biến nên
Năng biến đây chỉ ba
Là dị thực tư lương
Và thức liễu biệt cảnh”.*

Thế gian và Thánh giáo đều nói có ngã pháp, chỉ do giả lập chẳng phải thật có tánh. Ngã nghĩa là chủ thể, pháp nghĩa là quý trị. Cho đến, thế nào là nên biết thật không cảnh bên ngoài chỉ có thức bên trong tự cảnh bên ngoài sinh vì thật ngã thật pháp không thể được vậy. Thế nào là Thật ngữ không thể được ư? Các sự chấp ngã, nói sơ lược gồm có ba thứ: Một là, chấp ngã thể thường khắp cùng, lượng đồng như hư không, tùy xứ tạo nghiệp mà nhận chịu khổ vui. Hai là, chấp ngã thể nó tuy thường mà lượng chẳng định, tùy thân lớn nhỏ mà có cuộn buông. Ba là, chấp ngã thể thường rất nhỏ nhiệm như một cực vi, ngầm chuyển trong thân tạo tác sự nghiệp. Thứ nhất, vả lại chẳng phải lý. Tại sao? Chấp ngã thường khắp, lượng đồng hư không, nên chẳng tùy theo thân nhận chịu khổ vui v.v... Lại thường khắp vậy, nên không động chuyển, làm sao tùy thân có thể tạo các thứ nghiệp? Tiếp theo cũng chẳng phải lý. Tại sao? Chấp ngã thể là thường trú, không nên tùy thân mà có cuộn buông. Đã có cuộn buông như gió bụi rền, nên chẳng phải thường trú và sau cùng cũng chẳng phải lý. Tại sao? Ngã lượng rất nhỏ, làm sao nhanh chóng đi tắt qua thân như vòng lửa xoay, vì chuyển động vậy thì chỗ chấp ngã chẳng phải một chẳng phải thường, các thứ có qua lại

chẳng phải thường một vậy. Lại nữa, chỗ chấp ngã lại có ba thứ: Một là, tức uẩn, hai là, lìa uẩn, ba là, cùng uẩn chẳng phải tức chẳng phải lìa. Thứ nhất, tức uẩn, ngã lý chẳng phải vậy, ngã nên như uẩn chẳng phải thường một vậy. Lại trong các sắc nhất định chẳng phải thật ngã, như ngoài các sắc có chất ngại vậy. Tâm và tâm sở pháp cũng chẳng phải thật ngã, chẳng hằng tương tục đợi các duyên vậy. Các hành các sắc khác cũng chẳng phải thật ngã, như hư không v.v... chẳng phải tánh giác. Tiếp đến, lìa uẩn, ngã lý cũng chẳng phải vậy. Nên như hư không không có tạo tác và nhận chịu. Và sau cùng đầy đủ chẳng phải, ngã lý cũng chẳng phải vậy, chấp nhận nương tựa uẩn lập chẳng phải tức lìa uẩn. Nên như cái bình v.v... chẳng phải thật ngã vậy. Lại nữa, đã chẳng thể nói hữu vi hay vô vi thì cũng nên chẳng thể nói là ngã hay chẳng phải ngã. Chỗ chấp thật ngã kia chẳng thành cho đến điều nói như vậy. Tất cả ngã chấp uẩn ngoài tự tâm, hoặc có hoặc không, uẩn trong tự tâm tất cả đều có, cho nên ngã chấp đều duyên vô thường, tướng nắm thủ uẩn vọng chấp làm ngã, nhưng tướng các uẩn theo duyên sinh vậy, là như huyền có, vọng chỗ chấp ngã, giảng bày suy lường nên quyết định chẳng phải có. Nên trong Khế Kinh nói: “Bí-sô phải biết các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... trong thế gian chấp có ngã kiến, tất cả đều duyên nắm thủ uẩn khởi”.

Hỏi: Nếu lìa ngoài tâm không có thật ngã và thật pháp thì giả pháp cũng không, vì giả pháp nương tựa chân mà có vậy?

Đáp: Phạm giả pháp chỉ là hư giả, tự có mà chuyển, hẳn chẳng nương tựa chân như. Trong luận Duy Thức nói: “Có tạo tác là khó, nếu không lìa thức ngã pháp là giả cũng nên không. Nghĩa là giả hẳn nương chân sự tự sự cộng pháp mà lập”. Cho đến, đáp: “Lại nữa, giả hẳn nương tựa chân sự lập là cũng chẳng đúng lý. Vì chân nghĩa là tự tướng, giả trí và phân tích đều chẳng phải cảnh, nước là giả trí thuyên chẳng được tự tướng, chỉ ở nơi các pháp cộng tướng mà chuyển, cũng chẳng phải lìa đây mà có phương tiện riêng biệt, đặt ra tự tướng làm chỗ giả nương tựa. Nhưng giả trí phân tích hẳn nương tựa âm thanh khởi, nơi âm thanh chẳng tới thì đó bèn chẳng chuyển, năng phân tích sở phân tích đều chẳng phải tự tướng, nên biết giả nói chẳng nương tựa chân sự. Do đây chỉ nương tựa tự sự mà chuyển. Tự nghĩa là Tăng ích, chẳng phải tướng thật có. Âm thanh nương tựa Tăng ích tự tướng mà chuyển, nên chẳng thể nói giả hẳn nương tựa chân.”

Hỏi: Thức thứ tám đây có bao nhiêu năng biến khiến các thức sinh tướng hiển hiện?

Đáp: Có hai năng biến: Một là, nhân năng biến, hai là, quả năng biến. Trong luận Duy Thức nói: “ Nhân năng biến có hai thứ: Một là, nhân năng biến, nghĩa là đẳng lưu dị thực trong thức thứ tám. Hai là nhân tập khí đẳng lưu tập khí, do thiện ác vô ký trong thức thứ bảy huân tập khiến sinh trưởng. Dị thực tập khí do hữu lậu vô lậu thiện ác huân tập trong thức thứ sáu khiến sinh trưởng; Hai là, Quả năng biến, nghĩa là sức lực hai thứ tập khí trước nên có tám thức sinh, hiện các thứ tướng, Đẳng lưu tập khí nhân duyên, nên tám thức thể tướng sai biệt mà sinh, gọi là đẳng lưu quả. Quả tợ nhân nên dị thực tập khí làm duyên tăng thượng cảm thức thứ tám đáp lại sức dẫn nghiệp luôn tương tục nên lập tên là dị thực. Cảm sáu thức trước đáp lại nghiệp hữu lậu là từ dị thực mà khởi nên gọi là dị thực sinh, chẳng gọi là dị thực. Vì có gián đoạn, tức dị thực trước và dị thực sinh gọi là dị thực quả, vì quả khác nhân. Trong đây tạm nói ngã ái chấp trì chủng tạp nhiễm năng biến quả thức, gọi là dị thực.

Hỏi: Thức thứ tám rộng chứa khắp cùng làm cội rễ của muôn pháp. Các kinh luận đồng cốt nhắc nên gọi là Đệ nhất. Thể tánh nhỏ nhiệm, làm sao mà chỉ bày?

Đáp: Thể đây chẳng thể nói, vi diệu rất khó biết, khắp cùng pháp giới mà không trú tâm, nhậm trì tất cả mà chẳng hiện tướng, như chim bay giữa không trung, tuy vút liệng qua lại mà dấu vết chẳng thể tìm được. Tợ đồng nhân trong mắt nhậm chiếu nhìn sum-la mà mắt trọn chẳng thấy. Như trăng ngậm một màu, khắp phân hình của muôn tượng, đồng mặt nhật tỏa ngàn ánh sáng chiếu khắp dưới bốn trời. Tợ ma-ni nghĩ lường mà mưa báu rộng giúp quần sinh. Như đá nam châm không hay biết mà chuyển dời xoay khắp sáu thú. Trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Tạng thức giữ ở đời
Giống như chỉ râu ngọc
Cũng như xe có bánh
Tùy nơi gió nghiệp chuyển
Thợ khéo vận trục quay
Khí (vật dụng) thành tùy chỗ dùng
Tạng thức cùng các giới
Chung sức thấy đều thành
Trong ngoài các thế gian
Lan tỏa thấy khắp cùng
Thí như muôn tình tượng*

Bày hiện giữa hư không
 Do sức gió gìn giữ
 Vận hành thường chẳng dừng
 Như vết chim giữa trời
 Tìm đó chẳng thể thấy
 Nhưng chim chẳng lia trời
 Bay liệng mà tới lui
 Tạng thức cũng như vậy
 Chẳng lia thân tự tha
 Như biển nổi sóng cả
 Như trời bao muôn tượng
 Tạng thức cũng như vậy
 Chứa tàng các tập khí
 Thí như trăng trong nước
 Và cả các hoa sen
 Cùng nước chẳng lia nhau
 Chẳng vì nước đắm kẹt
 Tạng thức cũng như vậy
 Tập khí chẳng thể nhiễm
 Như mắt có đồng tử
 Mắt trợn chẳng tự thấy
 Tạng thức trú nơi thân
 Nhiếp tàng các chủng tử
 Khấp giữ thức thọ noãn
 Như mây phủ thế gian
 Nghiệp dụng chẳng từng dừng
 Chúng sinh chẳng thể thấy”.

Lại nói: “Này các nhân giả! Tất cả các sắc, đều do A-lại-da và sắc tập tương ưng biến tợ tương đó, chẳng phải riêng có thể, đồng như điểm vọng phân biệt của ngu phu. Này các nhân giả! Tất cả chúng sinh hoặc ngồi hoặc nằm hoặc đi hoặc đứng, mê sau ngủ nghỉ cho đến chạy cuông, không gì chẳng đều A-lại-da thức, cho đến như sức đá nam châm khiến sắc chuyển dời. Tuy không có tâm mà tợ có tâm là thức A-lại-da cũng lại như vậy. Do sự gồm giữ trì của pháp sinh tử, qua lại các thú chẳng phải ngã tợ ngã như trong nước có vật, tuy không nghĩ biết mà tùy ở nước lưu động chẳng dừng, thức A-lại-da cũng lại như vậy, tuy không phân biệt, nương tựa thân vận hành. Cho đến nếu có ở đây năng chánh quán sát biết các thế gian đều là tự tâm là phân biệt thấy tức đều

chuyển diệt”. Lại có kệ tụng nói:

*“Năng trì nhân thế gian
Đó gọi A-lại-da
Thức trượng phu thứ tám
Vận động nơi tất cả
Như xoay chuyển các bình
Như dầu khắp trong mè
Trong muối có vị mặn
Cũng như tánh vô thường
Khắp cùng nói các sắc”.*

Hỏi: Thức đây khắp cùng cảnh phàm Thánh, thông làm đang lia đây riêng có tánh chân là lại tức phải ư?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác là được tên thức đây. Chẳng hợp mà hợp là thành nghĩa tạng đó. Thức A-lại-da đây tức là chân tâm chẳng giữ tự tánh, tùy duyên nhiễm tịnh chẳng hợp mà hợp, năng hàm tàng tất cả cảnh giới chân tục, nên gọi là Tạng thức. Như gương sáng chẳng cùng ảnh tượng hợp mà hợp ảnh tượng. Đây là căn cứ bên nghĩa có hòa hợp mà nói. Nếu nói về nghĩa chẳng hòa hợp là, tức thể thường chẳng biến nên gọi là chân như, nhân hợp và chẳng hợp phân hai nghĩa đó, vốn một chân tâm trong lặng yên chẳng động. Nếu có người chẳng tin thức A-lại-da tức là Như Lai tạng mà riêng cầu lý chân như là như lia ảnh tượng mà tìm gương, tức là ác tuệ vì chưa rõ nghĩa tùy duyên bất biến bất biến tùy duyên mà sinh hai thứ chấp.

Hỏi: Nghĩa biến của thức thứ tám như thế nào?

Đáp: Biến nghĩa là thức thể chuyển tự có hai phần.

Giải thích: Trong luận nói rõ thể các thức tức tự chứng phần, chuyển tự hai phần tướng kiến mà sinh. Ở đây nói thức thể là tánh y tha chuyển tự ngoài hai phần tướng kiến, chẳng phải không cũng y tha khởi. Y cứ hai phần đây chấp thật hai thủ. Thánh nói là không chẳng phải không trong y tha không hai phần này, luận nói chỉ hai tánh y tha vậy. Chân trí đây duyên nơi chân như không tướng phần vậy, ngoài ra đều có tướng. Nếu không như vậy thì sao gọi là trí biết tha tâm, trí hậu đắc v.v... Vì chẳng thủ bên ngoài nên có thể tánh của hai phần kiến tướng. Nói hạt giống của kiến tướng có đồng có khác. Nếu đồng hạt giống tức là một thức thể, chuyển tự hai phần tướng dụng mà sinh, như một con sên biến sinh hai sừng, nói ảnh tượng tướng kiến đây là thể, lại không tánh riêng biệt là thức dụng vậy. Nếu nói tướng kiến mỗi riêng có hạt giống thì, kiến là tự thể phần nghĩa dụng đó vậy. Là thức lại không có

chúng riêng biệt, tức là một thừa thể, chuyển tợ kiến phần, dụng riêng mà sinh, thức làm nơi nương tựa, chuyển hạt giống tướng phần tợ tướng mà khởi dùng làm dụng riêng tánh mỗi chẳng đồng, tướng khác hạt giống sinh ở lý là thảng nên nói thức thể chuyển tợ hai phần. Đây là y tha khởi chẳng phải tựa có, thật chẳng phải hai phần, tợ tính lương chỗ chấp hai phần kiến tướng, nên lập tên tợ. Tướng riêng có hạt giống, sao gọi là thức biến? Vì chẳng lia thức. Lúc thức bên trong biến, tướng mới sinh vậy. Đây là hiển bày hai phần tướng kiến của năng biến, dụng thể riêng có. Tại sao lại nói thức tợ hai phần sinh? Luận nói tướng kiến đều nương tựa tự chứng khởi, nếu không tự chứng, hai phần ấy nhất định chẳng sinh. Như lúc không đầu thì sừng nhất định chẳng phải có, và lúc không gương thì mặt ảnh chẳng khởi, đều ở trên thức hiện tướng mạo vậy. Nên nói hai phần nương thức thể sinh. Lại chẳng phải chỉ hai phần tướng kiến nương thức thể sinh, cho đến thân của phàm thánh, cội của tịnh uế đều từ thức hiện. Như Bồ-tát Di-lặc nói: “Đức Như Lai Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy ta tu tập định duy tâm thức vào Tam-ma-địa, bao nhiêu kiếp đã qua dùng Tam-ma-địa đây mà phụng sự vô lượng chư Phật, tâm cầu thể danh, diệt hết không có, đến lúc Đức Phật Nhiên Đăng xuất hiện nơi đời, ta mới được thành Vô thượng diệu viên thức tâm Tam-muội, cho đến tận không Như Lai cội nước dơ sạch có không, đều là tâm ta biến hóa hiện ra. Bạch Đức Thế Tôn! Tôi rõ chỉ tâm thức như vậy, thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai, nay được thọ ký, tiếp đến Bồ xứ thành Phật. Phật hỏi viên thông, tôi dùng quán sát chắc thật mười phương chỉ thức, thức tâm tròn sáng vào viên thành thật, xa lia y tha và biến kế chấp, được Vô sinh nhẫn, đó là đệ nhất. Vì vậy mười phương pháp giới cội nước sạch dơ đều là trong tâm ta biến ra, tất cả đều gọi là vườn nhà ta, chân vọng tùy tâm khéo vụng do trí. Đối Đại Bồ-tát xiển bày phương tịnh kia, đối với hàng chúng sinh kém yếu hiện cội dơ đây, mười phương Như Lai đều là trong tâm ta lưu xuất”. Xưa trước giải thích: Như bọt nước trên biển mỗi mỗi chẳng đồng thời, do tâm sai biệt quán tức có đây kia, chỉ thể nước là một. Tức biết lúc một Đức Phật xuất hiện tức tất cả các cội Phật hiện, vì lia tướng tự tha vậy. Chỉ nơi chúng sinh có, mười phương Như Lai làm các thứ thân mà hỗ trợ giáo hóa đó, chẳng chỉ Như Lai bao hàm ở một nghĩa, tất cả chúng sinh cũng là ta lưu xuất.

Hỏi: Chuyển biến và biến hiện nghĩa nó đồng hay khác?

Đáp: Xưa trước giải thích: Có chỉ chuyển biến, chẳng phải biến hiện. Nói chuyển biến là thông cả hạt giống hiện. Hiện năng huân hạt

giống , hạt giống năng sinh hạt giống, hạt giống sinh hiện hành đều gọi là chuyển biến. Nói biến hiện là chỉ hiện tâm v.v... năng khởi kiến tướng đều gọi là chuyển biến, chẳng thông với chủng tướng phần sắc v.v...

Hỏi: Bản thức thứ tám và quả sở sinh là một hay là khác?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác. Trong luận nói: “Trong bản thức thân sinh tự quả, công năng sai biệt đây và bản thức và quả sở sinh chẳng một chẳng khác. Thể dụng nhân quả lý đáng như vậy. Giải thích Bản thức là thể, hạt giống tử là dụng, hạt giống tử là nhân, sở sinh là quả. Hai pháp này theo lý đáng như vậy chẳng một chẳng khác. Bản thức trông hạt giống ở trong ra thể, nhiếp tướng về tánh nên đều vô ký chủng theo hiện hành, trông ở bản thức, tướng dụng riêng luận, nên thông cả ba tánh. Nếu tức là một, thì chẳng thể nói là có pháp nhân quả, có thể có pháp. Nếu xưa nay là khác thì đáng lúá nếp v.v... năng sinh ra đậu v.v... vì chấp thuận nhân quả một hướng khác vậy, không như thế thì pháp diệt đáng mới có dụng. Vì chấp thuận thể dụng xưa nay khác vậy. Dụng thể tương tự khí thể hẩn đồng. Nhân quả tương tự, công năng trạng mạo có thể cùng tùy thuận, chẳng phải một hướng khác biệt.

Hỏi: Thức A-lại-da cùng bao nhiêu tâm sở tương ứng?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: “Thường cùng xúc tác ý thọ tướng tư tương ứng”. Thức A-lại-da từ vô thủy đến nay, cho đến chưa chuyển nơi tất cả vị luôn cùng năm tâm sở đó tương ứng, vì là tâm sở biến hành nhiếp thuộc. Thứ nhất là, xúc. Trong luận nói: “Nghĩa là ba hòa phân biệt biến khác, khiến tâm và tâm sở xúc cảnh làm tánh. Thọ tướng tư v.v... nơi nương tựa làm nghiệp”. Giải thích: vì năm thứ này, thể do tâm biến hành nhiếp thuộc nên quyết định tương ứng, tuy là chẳng tăng cũng chẳng thể giảm, nhất định cùng sinh diệt nên gọi là biến hành vậy. Xúc, nghĩa là ba hòa tức căn cảnh và thức, thể khác tên gọi có ba, chẳng trái nghịch nhau, mà lại cùng giao thiệp nên gọi là tùy thuận. Căn có thể làm nương tựa, cảnh có thể làm thứ trước. Thức ba sở sinh, có thể nương tựa nơi căn mà thủ trước ở cảnh. Ba trên đâu đều có công năng tác dụng thuận sinh tất cả tâm sở, gọi là biến dị. Dụng của phân biệt là công năng của xúc. Nghĩa là xúc trên có công năng tự ba thuận sinh tâm sở biến dị trước, gọi tên là phân biệt, phân biệt tức là lãnh tên của tự khác, như con tự cha gọi là phân biệt cha.

Hỏi: Cớ sao ba hòa chỉ căn xúc ưu thắng?

Đáp: Một là, do chủ, nên có công năng thù thắng, gọi đó là chủ. Hai là, do gần vì năng gần sinh tâm và tâm sở. Ba là do biến (khấp

cùng), chẳng chỉ tâm sở, cũng năng sinh tâm vậy. Bốn là do tục, là thường tương tục có, cảnh thức thì không như vậy, cảnh thể tuy năng sinh tâm và tâm sở. Vì chẳng phải là chủ, lại chẳng phải gần. Hai nghĩa thiên lệch khuyết thiếu nên chẳng gọi là thắng. Tâm tuy là chủ là gần, sinh ra tâm sở, chẳng thể sinh tâm, chẳng tự tại, chẳng phải khắp cùng, khuyết thiếu thiên lệch một nghĩa nên chẳng phải ưu thắng. Cảnh thức đều, đều chẳng tương tục, thức có cảnh sinh, đều khuyết nghĩa tương tục, chẳng phải được gọi là ưu thắng, chỉ căn riêng ưu thắng.

Hỏi: Tự tánh của xúc là thật hay là giả?

Đáp: Xúc đây theo số định là thật có trong bốn tánh thực vậy. Thứ hai là, tác ý. Trong luận nói: “Tác ý nghĩa là năng cảnh tâm làm tánh, ở cảnh sở duyên, dẫn tâm làm nghiệp”. Giải thích: Tác ý cảnh tâm có hai công lực: Một là, khiến tâm chưa khởi mà khởi; Hai là, khiến tâm khởi rồi hướng đến cảnh, nên nói là cảnh (đánh thức), tỉnh giác nên khởi tâm chủng dẫn khiến hướng đến cảnh; Ba là, thọ, trong luận nói: “Thọ nghĩa là lãnh nạp thuận nghịch đều chẳng phải cảnh tướng làm tánh, khởi ái làm nghiệp”; Bốn là, tưởng, trong luận nói: “Tưởng nghĩa là đối với cảnh, thủ trước ảnh tượng làm tánh, thi thiết các thứ danh ngôn làm nghiệp. Nghĩa là vọng an lập cảnh tướng phân chia mới có thể tùy khởi các thứ danh ngôn. Giải thích: Trong đây nói an lập là tên khác của chấp thủ tướng (chấp thủ ảnh tượng), nghĩa là đây là xanh chẳng phải xanh v.v... làm phân tế, mà chấp thủ tướng đó gọi là an lập. Do thủ tướng đây bền khởi danh ngôn, đây là xanh v.v... tánh loại lắm nhiều, nên gọi là các thứ; Năm là tư, trong luận nói: “Tư nghĩa là khiến tâm tạo tác làm tánh, ở nơi thiện phẩm v.v... sai sử tâm làm nghiệp”. Nghĩa là năng thủ trước tướng cảnh chánh nhân v.v... sai sử tự tâm khiến tạo thiện v.v... Năm đoạn đây là do biến hành nhiếp thuộc, nên cùng tạng thức quyết định tương ứng. Năm thứ xúc v.v... đây cùng thức dị thực, hành tướng tuy khác mà thời gian nương tựa đồng sự sở phân tích đồng nên gọi là tương ứng. Hành tướng thức này rất chẳng rõ ràng, chẳng thể phân biệt cảnh tướng nghịch thuận, vi tế một loại, chỉ tương ứng với xả thọ. Lại tương ứng thọ đây chỉ là dị thực, tùy dẫn nghiệp trước chuyển chẳng đợi duyên hiện, nhậm thế lực của nghiệp thiện ác mà chuyển, nên chỉ là xả thọ. Còn hai chữ khổ thọ và lạc thọ là dị thực sinh, chẳng phải chân dị thực, đợi duyên hiện vậy, chẳng phải tương ứng đây. Lại do thức này thường không chuyển biến, hữu tình luôn chấp là tự ngã bên trong, nếu cùng khổ thọ lạc thọ tương ứng, bền có chuyển biến, sao chấp làm ngã, nên đây chỉ cùng xả thọ tương ứng. Giải thích: Năm thứ xúc v.v... đây

cùng hành tướng của thức dị thực tuy khác mà thời gian nương tựa đồng sự sở phân tích đồng nên gọi là tương ứng là do bốn đồng nên gọi là tương ứng, đó là sự đồng xứ đồng thời đồng và sở y đồng. Nay nói về kiến phần làm hành tướng, ảnh tượng tương phần làm sở duyên tự thể. Nói sự đồng là nghĩa của tương tự, thể mỗi mỗi chỉ một, mà cảnh tương tương tự, nên sở duyên sự đều gọi là đồng. Vì xúc v.v... năm tướng gá bản chất tương sinh, sở duyên đã tương tự nên gọi là đồng. Duy thức làm tông chẳng ước bản chất gọi là sở duyên, cũng chẳng phải ảnh tượng gọi là hành tướng. Thời, nghĩa sát-na định đồng một đời, y (nương tựa) nghĩa là căn đều không có gián đoạn, chỉ cùng xả thọ tương ứng, ở đây có năm nghĩa: Một là, rất chẳng rõ ràng là tướng xả thọ, nếu khổ thọ hay lạc thọ hẳn rõ ràng vậy. Thọ, gồm có năm thứ: Một là, ưu, hai, hỷ, ba, khổ, bốn, lạc, năm, xả. Trong đây ưu và hỷ nhập cùng trong khổ và lạc, nương tựa môn ba thọ phân biệt chẳng nói ưu hỷ; Hai là, chẳng thể phân biệt cảnh tương thuận nghịch, dung chứa cảnh trong chấp thủ là tướng xả bỏ, nếu là các thọ khác là thủ trước cảnh thuận nghịch vậy; Ba là, do vi tế, nếu là các thọ khác thì hành tướng hẳn thô; Bốn là, do một loại, nếu là các thọ khác, hẳn dễ thoát, hành tướng đây định nên thành một loại; Năm là, tương tục mà chuyển, nếu là các thọ khác hẳn có gián đoạn, đây luôn tương tục nên chỉ xả thọ, nếu năng phân biệt cảnh tương trái thuận, thì chẳng phải chân dị thực. Dị thực là chấp thủ cảnh cố định vậy. Nếu là thô động là như các tâm khác tức chẳng phải dị thực chủ. Hiển bày hành tướng khó biết khác với các thức khác. Do năm nghĩa đây hẳn đó có vậy, bèn có thể thọ huân trì chủng tương tục. Lại giải về thức này rất chẳng rõ ràng bởi từng không niệm tuệ, hành tướng niệm tuệ rất rõ ràng vậy. Chẳng thể phân biệt cảnh tương thuận nghịch, hiển bày chỉ xả thọ chẳng phải khổ lạc chung cùng, và kén chọn chẳng cùng thiện nhiễm v.v... đều tương tục mà chuyển, hiển bày không có dục, nay có hy vọng mới có dục khởi, vì tương tục đây không có dục vậy. Do năm nghĩa đây, thì nghĩa thứ hai là chánh hiển bày nguyên do của chỉ xả thọ, còn bốn nghĩa kia là nhân kén chọn cảnh riêng biệt v.v... vậy, nên chỉ cùng xả thọ chung đồng.

Hỏi: Thức đây đã cùng xả thọ tương ứng, cố sao cũng là ác nghiệp dị thực?

Đáp: Trong luận nói: “Xả thọ chẳng trái nghịch thiện phẩm ác phẩm vậy, như pháp vô ký, thiện ác đều chiêu cảm”. Giải thích: Vô ký đã tịch tĩnh, làm sao là quả ác nghiệp? Xả chỉ tịch tĩnh, chẳng trái nghịch cả hai nên bị là quả ác, chẳng đồng thiên định tịch tĩnh. Đây không chỗ năng

làm nên thông ác nghiệp cảnh. Ngoài ra, bảy chuyển thức giả sử khởi khổ lạc, thức đây đều chung cùng. Vì xả chẳng trái nghịch khổ phẩm hay lạc phẩm vậy. Nếu hoặc khổ lạc chẳng chung cùng, ở trong trời người nên chẳng thọ quả khổ, vì trái nhau vậy. Trong ba ác thú nên chẳng thọ quả lạc, cũng trái nhau vậy. Trong đây, khổ lạc đều là riêng biệt chiêu cảm, nên xả chẳng trái nghịch.

Hỏi: Bản thức tại sao chẳng cùng năm tâm sở biệt cảnh tương ứng?

Đáp: Trong luận nói: qua lại trái nghịch nhau, vì dục là hy vọng sở lạc sự chuyển, thức đây nhậm nghiệp, không chỗ hy vọng, thắng giải là ấn trì quyết định sự chuyển, thức đây mờ mịt không chỗ ấn trì. Niệm là chỉ ghi nhớ rõ từng tập sự chuyển, thức đây mờ kém chẳng thể ghi nhớ rõ, quyết định năng khiến tâm chuyên chú một cảnh. Thức đây mặc tình từng sát-na duyên riêng, tuệ chỉ chọn lựa đặc v.v... sự chuyển, thức đây nhỏ nhiệm mờ tối chẳng thể chọn lựa, nên đây chẳng cùng biệt cảnh tương ứng. Thức đây chỉ là tánh dị thực nên thiện nhiễm ô v.v... cũng chẳng tương ứng ố tác v.v... bốn thức. Vô ký tánh có gián đoạn nên quyết định chẳng phải dị thực. Giải thích định là năng khiến tâm chuyên chú một cảnh, thức đây nhậm vận từng sát-na duyên riêng biệt. Định tuy là ảnh tượng tương phần từng sát-na mới khởi. Đến lúc gia hạnh chỗ quán bản chất, trước sau tương tục chỉ chuyên chú cảnh thức đây mặc tình chẳng làm gia hạnh chuyên chú bản chất, luôn duyên hiện tại, ảnh tượng sở duyên chỉ mới mới khởi. Và lại, hành tướng của định trong mỗi một sát-na thủ trước sâu xa chuyên chú hướng đến sở duyên, thức đây rộng xa, hành tướng chẳng như vậy, nên chẳng phải định vị. Nói mặc tình là tùy nghiệp chuyển. ố tác v.v... quyết định chẳng phải dị thực là chẳng phải chân dị thực, chẳng ngăn ngại, dị thực sinh cũng có ố tác v.v... chẳng phải tất cả thời thường tương tục nên chẳng phải đây tương ứng. Nên biết chân thức thứ tám thường như xả tướng, vì duyên của nhậm vận hợp với đạo hằng thường. Chẳng bị pháp dơ cấu nhuộm nhiễm thì sao bị pháp thanh tịnh sửa trị, chẳng phải chỗ sinh tử trôi buộc, thì đâu phải năng tĩnh lặng của Niết-bàn. Vì vậy xưng là thức chủ nên gọi là tâm vương. Sau đó, nhân một niệm vô minh khởi gợn sóng bảy thức bèn sinh tâm sở, mất gốc tâm vương, đều nhân cường giác giác minh, phân năng lập sở, khởi giải hiểu của rõ ràng, tâm cảnh rành rẽ, vận tình phân biệt, tự tha rõ ràng. Nhân đây trong tâm hữu tình bèn thương ghét mà kết oán thân, trong cảnh vô tình tùy tưởng niệm mà nêu hình ngại, bèn khiến ngoài thì ruộng dâu biến thành bể cả, bể cả biến

thành ruộng dâu, bên trong thì thân làm nguyên do oán, oán làm hạt giống thân, qua lại làm cao thấp, đối đáp lẫn nhau, từ đây nghiệp quả luôn mới, khổ duyên chẳng đoạn. Vì vậy, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo: Phú-lâu-na! Rõ vọng chẳng phải đâu khác mà là lỗi lầm của giác minh. Chỗ vọng đã lập, minh lý chẳng vượt qua, vì nhân duyên đó, nghe chẳng vượt ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, cho đến chỉ sát đạo tâm ba thứ đó làm căn bản, vì nhân duyên đó mà nghiệp quả tương tục, Phú-lâu-na! Ba thứ điên đảo tương tục như vậy đều là giác minh rõ ràng biết tánh, nhân rõ pháp tướng, theo vọng thấy sinh, núi sông đất liền các tướng hữu vi lần lượt chuyển đổi, nhân hư vọng đây, chung không lại thủy. Cho nên, nếu muốn trở lại nguồn gốc, xoay vọng ngấm chân, chỉ một niệm chẳng sinh, khoảng trước sau dứt, tâm phân biệt diệt, nghiệp luân hồi mất, rễ dứt cành khô, nhân không quả hết, tình trần thức cấu từ vô thủy ngay đó toàn tiêu, mất Phật thân thường xưa nay theo chân chóng hiện.